TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nam và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số 5, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam). Hiện đang lao động tại Malaysia không rõ địa chỉ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam ngày 19 tháng 11 năm 2012 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, hay xảy ra bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc

sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ cuối năm 2013, đến năm 2014 anh Đ đi lao động xuất khẩu tại Malaysia, vợ chồng không quan tâm tới nhau nữa. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác chị Lê Thị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam với bà Quách Thị D (là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn Đ), bà D cung cấp anh Đ đã biết việc chị T làm đơn xin ly hôn nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ.

Tại Biên bản xác minh ngày 16 tháng 6 năm 2020 và ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam với anh Nguyễn Văn Đ1 (là em trai anh Nguyễn Văn Đ), anh Đ1 cho biết: Anh Nguyễn Văn Đ đã biết việc chị T làm đơn xin ly và anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị, anh Đ không gửi Bản tự khai, cũng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án được, vì hiện anh Đ đang sống lưu vong. Từ khi anh Đ và chị T kết hôn đến nay, anh chị chưa có con chung và cũng không có tài sản chung; về công nợ đến thời điểm này không thấy ai đến đòi nợ anh chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ; Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, do anh Nguyễn Văn Đ cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Quách Thị D và anh Nguyễn Văn Đ1 (là thân nhân của anh Đ); bản thân anh Nguyễn Văn Đ đã được bà D và anh Đ1 thông báo về việc Tòa án đang giải quyết việc chị T xin ly hôn anh Đ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy báo phiên tòa cho gia đình anh Đ, cũng như niêm yết theo đúng quy

định của pháp luật, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc: "Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ", Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam ngày 19 tháng 11 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh Nguyễn Văn Đ đi lao động tại Malaysia từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm tới nhau. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác chị Lê Thị T đều xác định không có và không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004880 ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (chị T đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Nguyễn Đức Thủy